

B Đ, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Số: 06/2023/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện B Đ, tỉnh B Ph.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: khu phố T B, TT. T B, huyện B Đ, tỉnh B P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phương A số tiền là: 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) trong đó gồm: 110.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền chi phí giám định chữ ký chữ viết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương A tự nguyện chịu 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bà A đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu số 0017751 ngày 18/5/2023. Bà A còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí còn lại là: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: Bà A tự nguyện chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) được khấu trừ số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) bà A đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện B Đ theo Phiếu thu số: 22 ngày 06/9/2023. Tòa án nhân dân huyện B Đ trả lại

cho bà A 3.000.000đ tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo biên lai thu trên.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà T còn phải trả cho bà A tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hưng